TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1984; HKTT: Ấp Tân Minh, xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Thế T, sinh năm 1979; HKTT: Ấp Tân Minh, xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L trình bày: Bà L và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Bình. Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay bà L và ông T đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm, nay bà L yêu cầu được quyền ly hôn với ông T.

Trong quá trình chung sống bà L và ông T có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm My, sinh ngày 12/7/2003 và Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 16/7/2007, khi ly hôn bà L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Phạm Đăng Khoa và yêu

cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung tên Phạm Thị Diễm My, sinh ngày 12/7/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Thế T trình bày: Vắng mặt không có lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà L và ông T đã sống ly thân với nhau, xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, việc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T quen biết nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, hiện bà L và ông T đã sống ly thân với nhau, vợ chồng không còn quan T, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, bị đơn không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của người kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L với bị đơn ông Phạm Thế T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà L và ông T có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm My, sinh ngày 12/7/2003 và Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 16/7/2007. Xét thấy, hiện nay cháu Khoa đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc giao cháu Khoa cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Thủy có yêu

cầu ông T cấp dưỡng con chung, xét thấy hiện nay cháu Khoa đang độ tuổi ăn học, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", do đó yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L đối với ông T là có căn cứ. Theo lời trình bày của bà L, hiện ông T đang làm nghề công nhân, thu nhập hàng tháng của ông Đông là khoảng gần 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, do ông T không đến Tòa án trình bày thu nhập của mình. Vì vậy, cần buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) là phù hợp. Đối với con chung tên Phạm Thị Diễm My, sinh ngày 12/7/2003 đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 82, 83, 107, 115, 116, 117, 118, 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Phạm Thế T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Phạm Thế T.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Đăng Khoa, sinh ngày 16/7/2007. Buộc ông Phạm Thế T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Thế T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.00 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000166 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Buộc ông Phạm Thế T phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

5. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn